

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, ĐỢT THÁNG 8 NĂM 2025

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào Đề án tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2025;

Trường Đại học Trà Vinh thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, đợt tháng 8 năm 2025, cụ thể như sau:

I. NGÀNH TUYỂN SINH

Stt	Ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	Quản lý kinh tế	8310110	55
2	Quản trị kinh doanh	8340101	72
3	Tài chính – Ngân hàng	8340201	35
4	Luật dân sự và tổ tụng dân sự	8380103	25
5	Luật kinh tế	8380107	45
6	Luật hiến pháp và luật hành chính	8380102	20
7	Quản lý giáo dục	8140114	40
8	Quản lý công	8340403	40
9	Giáo dục học (Giáo dục tiểu học)	8140101	55
10	Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	8140101	
11	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn	8140111	30
12	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	8140111	
13	Văn hoá học	8229040	40
14	Thú y	8640101	35
15	Kỹ thuật điện	8520201	20
16	Công nghệ thông tin	8480201	35
17	Quản lý y tế	8720801	45
18	Y tế công cộng	8720701	20
19	Kỹ thuật hóa học	8520301	15
20	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	8580205	15

II. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ TUYỂN SINH

2.1 Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển kết hợp với thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào bậc 3/6 (B1) đối với thí sinh chưa có đáp ứng về điều kiện ngoại ngữ.

Hội đồng tuyển sinh đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh dựa trên:

- Học lực và kết quả học tập trình độ đại học.
- Năng lực ngoại ngữ (theo yêu cầu của chương trình đào tạo mà thí sinh dự tuyển).
- Mức ưu tiên theo quy định.

2.2 Điều kiện dự tuyển: Thí sinh có đủ sức khỏe học tập, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

2.2.1 Về văn bằng

Thí sinh cần thỏa **một** trong các điều kiện sau:

a. Đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ và hoàn thành học bổ sung kiến thức theo quy định của ngành dự tuyển (*phụ lục 2*);

b. Đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu, thí sinh phải có hạng tốt nghiệp đại học từ loại khá trở lên hoặc công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu khi nộp hồ sơ dự tuyển.

2.2.2 Điều kiện Ngoại ngữ

Thí sinh dự tuyển cần đáp ứng **một** trong các điều kiện sau:

a. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Trà Vinh cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c. Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (*phụ lục 1*).

d. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).

e. Đối với thí sinh chưa có minh chứng về trình độ ngoại ngữ theo các điều kiện trên, thí sinh sẽ dự kỳ đánh giá năng lực ngoại ngữ trình độ bậc 3/6 do Trường tổ chức trước khi thực hiện xét tuyển.

2.3 Hình thức, thời gian và địa điểm đào tạo

- Hình thức đào tạo: Giáo dục chính quy
- Thời gian đào tạo: Từ 01 đến 02 năm.
- Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Trà Vinh.

2.4 Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Con liệt sĩ;
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học;
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

2.5 Điều kiện trúng tuyển

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50 điểm trở lên theo của thang điểm 100 sau khi đã cộng điểm ưu tiên (nếu có).
- Căn cứ vào thông báo tuyển sinh cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo. Hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển. Số lượng trúng tuyển được xếp thứ tự theo tổng điểm từ cao xuống thấp và đến hết chỉ tiêu từng ngành.
- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm xét tuyển, đã cộng cả điểm ưu tiên (nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên: Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

2.6 Hồ sơ dự tuyển và hình thức đăng ký

2.6.1 Hồ sơ dự tuyển

- (1) Phiếu đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ;
- (2) Sơ yếu lý lịch;
- (3) Phiếu đăng ký học bổ sung kiến thức (nếu có);
- (4) Phiếu đăng ký xét miễn giảm các học phần bổ sung kiến thức (nếu có);
- (5) Bản sao có chứng thực các loại giấy tờ:
 - Bằng và phụ lục văn bằng/bảng điểm tốt nghiệp đại học;
 - Chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có) còn thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến thời điểm dự tuyển;
 - Căn cước công dân;
 - Giấy tờ minh chứng về đối tượng ưu tiên (nếu có);
- (6) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của cơ sở y tế có thẩm quyền trong thời gian không quá 06 tháng;
- (7) 01 ảnh (4x6) chụp không quá 6 tháng (ghi rõ họ tên ngày tháng năm sinh ở mặt sau).

2.6.2 Hình thức đăng ký

Trực tiếp tại phòng Đào tạo Sau đại học **hoặc** gửi qua đường Bưu điện: **Phòng Đào tạo Sau đại học (A11.101), Trường Đại học Trà Vinh**

Thông tin biểu mẫu hồ sơ dự tuyển được đăng tại website: <http://sdh.tvu.edu.vn> (Mục Tuyển sinh - Biểu mẫu tuyển sinh cao học).

2.7 Thời gian nộp hồ sơ dự tuyển, đăng ký học bổ sung kiến thức, ôn tập và đánh giá năng lực ngoại ngữ

- Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp thuộc nhóm học bổ sung kiến thức với ngành đăng ký dự tuyển: Thời gian nhận đăng ký học bổ sung kiến thức từ ngày ra thông báo đến hết ngày 11/7/2025;
- Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp không thuộc nhóm học bổ sung kiến thức với ngành đăng ký dự tuyển: Nhận hồ sơ dự tuyển ngày ra thông báo đến hết ngày 07/8/2025;

- Thí sinh đăng ký ôn tập ngoại ngữ đến hết ngày 07/8/2025;
- Đánh giá năng lực ngoại ngữ (*dự kiến*): ngày 23-24/8/2025;
- Lịch xét tuyển (*dự kiến*): Từ ngày 28-29/8/2025;
- Thời gian công bố kết quả: Sau 02 tuần kể từ ngày xét tuyển.

2.8 Lệ phí dự tuyển và học bổ sung kiến thức

- Lệ phí xét tuyển: 300.000 đồng/hồ sơ;
- Lệ phí ôn tập và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ: 3.250.000 đồng;
- Học phí bổ sung kiến thức: 1.200.000 đồng/môn.

Thí sinh nộp lệ phí tại phòng Tài chính, Trường Đại học Trà Vinh.

Hoặc chuyển khoản - Chủ tài khoản: Trường Đại học Trà Vinh, số tài khoản: **7400211000777** tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Trà Vinh, khi nộp cần ghi rõ họ tên, ngành đăng ký dự tuyển, đơn vị công tác.

Mọi chi tiết liên hệ phòng Đào tạo Sau đại học (A11.101), Trường Đại học Trà Vinh, Số 126 Nguyễn Thiện Thành, phường 5, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 02943.779.888

Email: sdh@tvu.edu.vn.

Lưu ý:

- Các văn bằng, bảng điểm do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT Việt Nam.
- Không hoàn trả lại hồ sơ và lệ phí cho người dự tuyển.



napas 24/7 | **AGRIBANK**
 Tên chủ TK: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
 Số TK: **7400211000777**
 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- HĐT(b/c);
- BGH(b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy Trà Vinh (b/c);
- UBND tỉnh Trà Vinh (b/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Trà Vinh (b/c);
- Các Sở, Ban, Ngành trong và ngoài tỉnh;
- Các trường Đại học, Cao đẳng;
- Lưu: VT, P.ĐTSDH. *[Signature]*

KTHIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Quốc Nghĩa

PHỤ LỤC 1

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC
DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**
*(Kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo)*

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm
			Tương đương Bậc 3
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45
		TOEFL ITP	450-499
		IELTS	4.0 - 5.0
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-1 trở lên

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Đính kèm Thông báo số 1856/TB-ĐHTV ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
1. NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ (Mã ngành: 8310110)				
Kinh tế	- Kinh tế chính trị - Kinh tế đầu tư - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế - Thống kê kinh tế - Toán kinh tế - Kinh tế số - Kinh tế công nghiệp - Kinh tế xây dựng - Kinh tế nông nghiệp - Kinh tế gia đình - Kinh tế vận tải - Kinh tế tài nguyên thiên nhiên - Quản trị kinh doanh - Kinh doanh quốc tế - Kinh doanh thương mại - Tài chính – Ngân hàng	- Kinh tế học (kinh tế vi mô, vĩ mô) (3TC) - Kinh tế công cộng (2TC) - Thống kê và dự báo (Nguyên lý thống kê kinh tế + dự báo phát triển kinh tế- Phát triển xã hội) (3TC) - Kinh tế phát triển (2TC)	- Chính trị học - Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước - Quản lý nhà nước - Quan hệ quốc tế - Marketing - Bất động sản - Thương mại điện tử - Kinh doanh thời trang và dệt may - Bảo hiểm - Công nghệ tài chính - Kế toán - Kiểm toán - Khoa học quản lý - Quản lý công - Quản trị nhân lực - Quản trị văn phòng - Quan hệ lao động - Quản lý dự án - Luật kinh tế - Quản lý công nghiệp - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Phát triển nông thôn - Nông nghiệp	- Kinh tế học (kinh tế vi mô, vĩ mô) (3TC) - Kinh tế công cộng (2TC) - Thống kê và dự báo (Nguyên lý thống kê kinh tế + dự báo phát triển kinh tế- Phát triển xã hội) (3TC) - Kinh tế phát triển (2TC) - Phương pháp nghiên cứu khoa học (2TC) - Quản lý dự án phát triển (2TC) - Kinh tế nông nghiệp (2TC)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
2. NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (Mã ngành: 8340101)				
Quản trị kinh doanh	- Marketing - Bất động sản - Kinh doanh quốc tế - Thương mại điện tử - Kinh doanh thời trang và dệt may - Kinh doanh thương mại - Tài chính – Ngân hàng; - Bảo hiểm; - Kế toán; - Kiểm toán; - Công nghệ tài chính - Khoa học quản lý - Quản lý công - Quản trị nhân lực - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị văn phòng - Quan hệ lao động - Quản lý dự án	- Khoa học quản trị (4TC) - Marketing tích hợp (3TC)	Các ngành thuộc nhóm ngành được liệt kê bên dưới hoặc Bảng điểm đại học đáp ứng tối thiểu 20% số tín chỉ/ĐVHT so với chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Trà Vinh: - Kinh tế đầu tư - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế - Quản lý công nghiệp - Kinh tế công nghiệp - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Kinh tế xây dựng - Quản lý xây dựng - Kinh tế nông nghiệp - Kinh doanh nông nghiệp - Kinh tế chính trị - Kinh tế số - Kinh tế gia đình - Kinh tế vận tải - Kinh tế tài nguyên thiên nhiên - Thống kê kinh tế - Toán kinh tế - Công nghệ thông tin - Dược học	- Kinh tế học (3TC) - Nhập môn Phương pháp nghiên cứu (2TC) - Marketing tích hợp (3TC) - Khoa học quản trị (4TC) - Quản trị nguồn nhân lực (3TC)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức

3. NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (Mã ngành: 8340201)

- Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm - Công nghệ tài Chính	- Kế toán - Kiểm toán - Khoa học quản lý - Quản lý công - Quản trị nhân lực - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị văn phòng - Quan hệ lao động - Quản lý dự án - Quản trị kinh doanh - Marketing - Bất động sản - Kinh doanh quốc tế - Kinh doanh thương mại - Thương mại điện tử - Kinh doanh thời trang và dệt may	- Quản trị tài chính (2TC) - Tài chính doanh nghiệp (3TC) - Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (3TC) - Thẩm định tín dụng (2TC)	- Kinh tế số - Kinh tế - Kinh tế chính trị - Kinh tế đầu tư - Kinh tế quốc tế - Thống kê Kinh tế - Toán kinh tế	- Quản trị tài chính (2TC) - Tài chính doanh nghiệp (3TC) - Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (3TC) - Nghiệp vụ ngân hàng trung ương (2TC) - Thẩm định tín dụng (2TC) - Nghiệp vụ Ngân hàng quốc tế (2TC) - Tài chính tiền tệ (2TC)□
--	---	--	---	---

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
4. NGÀNH LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ (Mã ngành: 8380103)				
Luật dân sự và tổ tụng dân sự	- Luật - Luật quốc tế - Luật kinh tế - Luật hình sự và tổ tụng hình sự - Luật hiến pháp và luật hành chính - Luật thương mại quốc tế	- Pháp luật về thi hành án (3TC:1LT+2TH) - Pháp luật quốc tế (2TC:1LT+1TH)	Các nhóm ngành còn lại thuộc cùng lĩnh vực đào tạo Pháp luật mã cấp II theo danh mục thống kê ngành đào tạo	- Lý luận nhà nước và pháp luật và Luật hiến pháp (2TC:1LT+1TH) - Những vấn đề chung về luật dân sự (2TC:1LT+1TH) - Pháp luật tổ tụng dân sự và thi hành án dân sự (3TC:2LT+1TH) - Luật hình sự, luật thương mại và luật hành chính (3TC:1LT+2TH)
			Các nhóm ngành được liệt kê bên dưới có bảng điểm đại học đáp ứng tối thiểu 10% số tín chỉ/ĐVHT so với chương trình đào tạo đại học các ngành luật của Trường Đại học Trà Vinh: - An ninh và trật tự xã hội - Quân sự - Khoa học chính trị - Nhóm ngành chưa có trong Danh mục thống kê	- Lý luận nhà nước và pháp luật và Luật hiến pháp (2TC:1LT+1TH) - Những vấn đề chung về luật dân sự, hôn nhân gia đình và quản lý hộ tịch (4TC:2LT+2TH) - Pháp luật tổ tụng dân sự và thi hành án dân sự (3TC:2LT+1TH) - Luật hình sự, luật thương mại, và luật hành chính (3TC:1LT+2TH) - Pháp luật về đất đai, môi trường và lao động (3TC:1LT+2TH) - Pháp luật ngân hàng và pháp luật quốc tế (3TC:2LT+1TH) - Pháp luật về tổ tụng hình sự và tổ tụng hành chính (2TC:1LT+1TH)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
5. NGÀNH LUẬT KINH TẾ (Mã ngành: 8380107)				
Luật kinh tế	- Luật - Luật quốc tế - Luật hình sự và tố tụng hình sự - Luật hiến pháp và luật hành chính - Luật dân sự và tố tụng dân sự - Luật thương mại quốc tế	- Luật thương mại và Luật sở hữu trí tuệ (3TC: 2LT+1TH) - Luật thuế và Luật đầu tư (2TC: 1LT+1TH)	Các nhóm ngành còn lại thuộc cùng lĩnh vực đào tạo Pháp luật mã cấp II theo danh mục thống kê ngành đào tạo	- Lý luận nhà nước và pháp luật và Luật hiến pháp (2TC:1LT+1TH) -Luật thương mại và Luật sở hữu trí tuệ (3TC:2LT+1TH) - Luật thuế và Luật đầu tư (2TC:1LT+1TH) - Luật hình sự, luật dân sự và luật hành chính (3TC:1LT+2TH)
			Các nhóm ngành được liệt kê bên dưới có bằng điểm đại học đáp ứng tối thiểu 10% số tín chỉ/ĐVHT so với chương trình đào tạo đại học các ngành luật của Trường Đại học Trà Vinh: - Quản trị - quản lý - An ninh và trật tự xã hội - Quân sự - Kinh doanh - Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm -Nhóm ngành chưa có trong Danh mục thống kê	- Lý luận nhà nước và pháp luật và Luật hiến pháp (2TC:1LT+1TH) - Luật thương mại và Luật sở hữu trí tuệ (3TC:2LT+1TH) - Luật thuế và Luật đầu tư (2TC:1LT+1TH) - Pháp luật về dân sự, hôn nhân gia đình và quản lý hộ tịch (3TC:1LT+2TH) -Pháp luật về đất đai, môi trường và lao động (3TC:1LT+2TH) - Pháp luật về hình sự, hành chính và tố tụng (4TC:2LT+2TH) - Pháp luật ngân hàng và pháp luật quốc tế (3TC:2LT+1TH)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
6. NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH (Mã ngành: 8380102)				
Luật hiến pháp và luật hành chính	- Luật - Luật quốc tế - Luật kinh tế - Luật hình sự và tổ tụng hình sự - Luật dân sự và tổ tụng dân sự - Luật thương mại quốc tế	- Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo (2TC: 1LT+1TH) - Pháp luật về thi hành án (3TC: 1LT+2TH)	Các nhóm ngành còn lại thuộc cùng lĩnh vực đào tạo Pháp luật mã cấp II theo danh mục thống kê ngành đào tạo	- Lý luận nhà nước và pháp luật và Luật hiến pháp (2TC:1LT+1TH) - Luật hành chính, tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính (3TC:1LT+2TH) - Luật hình sự, luật dân sự và luật thương mại (3TC:1LT+2TH) - Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo (2TC:1LT+1TH)
			Các nhóm ngành được liệt kê bên dưới có bằng điểm đại học đáp ứng tối thiểu 10% số tín chỉ/ĐVHT so với chương trình đào tạo đại học các ngành luật của Trường Đại học Trà Vinh: - Quản trị - quản lý - An ninh và trật tự xã hội - Quân sự - Khoa học chính trị -Nhóm ngành chưa có trong Danh mục thống kê	- Lý luận nhà nước và pháp luật và Luật hiến pháp (2TC:1LT+1TH) - Luật hành chính, tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính (3TC:1LT+2TH) - Pháp luật về dân sự, hôn nhân gia đình và quản lý hộ tịch (3TC:1LT+2TH) - Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo (2TC:1LT+1TH) -Pháp luật về đất đai, môi trường và lao động (3TC:1LT+2TH) - Pháp luật về hình sự, thương mại và tổ tụng (4TC:2LT+2TH) - Pháp luật ngân hàng và pháp luật quốc tế (3TC:2LT+1TH)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
7. NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC (Mã ngành: 8140114)				
Quản lý giáo dục	- Giáo dục học - Công nghệ giáo dục - Các ngành thuộc nhóm ngành: Đào tạo Giáo viên (71402)	- Lý thuyết lãnh đạo và quản lý (3TC) - Đại cương khoa học quản lý (3TC) - Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục và nhà trường (3TC)	- Các ngành còn lại thuộc cùng lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên - Các ngành thuộc lĩnh vực Nhân văn (Thí sinh có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc có Quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý trong cơ sở giáo dục)	- Lý thuyết lãnh đạo và quản lý (3TC) - Đại cương khoa học quản lý (3TC) - Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục và nhà trường (3TC) - Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo (3TC)
8. NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG (Mã ngành: 8340403)				
Quản lý công	- Khoa học quản lý - Quản trị nhân lực - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị văn phòng - Quan hệ lao động - Quản lý dự án	- Lý luận hành chính nhà nước (3TC) - Quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức hành chính nhà nước (3TC) - Hiến pháp và Luật Tổ chức bộ máy nhà nước (3TC)	- Quản trị kinh doanh - Marketing - Kinh doanh quốc tế - Kinh doanh thương mại - Thương mại điện tử - Kinh doanh thời trang và dệt may - Tài chính ngân hàng - Bảo hiểm - Công nghệ tài chính - Kế toán - Kiểm toán - Công tác xã hội - Các ngành chưa có trong Danh mục thống kê của nhóm ngành	- Lý luận hành chính nhà nước (3TC) - Quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức hành chính nhà nước (3TC) - Hiến pháp và Luật Tổ chức bộ máy nhà nước (3TC) - Khoa học quản lý (3TC)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
8. NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG (Mã ngành: 8340403)				
Quản lý công	- Khoa học quản lý - Quản trị nhân lực - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị văn phòng - Quan hệ lao động - Quản lý dự án	- Lý luận hành chính nhà nước (3TC) - Quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức hành chính nhà nước (3TC) - Hiến pháp và Luật Tổ chức bộ máy nhà nước (3TC)	- Hành chính học - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Giáo dục chính trị - Kinh tế - Kinh tế chính trị - Kinh tế đầu tư - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế - Thống kê kinh tế - Kinh tế số - Chính trị học - Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước - Quản lý nhà nước - Quan hệ quốc tế - Xã hội học - Công tác xã hội - Quan hệ công chúng - Lưu trữ học - Luật - Luật hiến pháp và luật hành chính - Luật dân sự và tố tụng dân sự - Luật hình sự và tố tụng hình sự - Luật kinh tế - Luật quốc tế	- Lý luận hành chính nhà nước (3TC) - Quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức hành chính nhà nước (3TC) - Hiến pháp và Luật Tổ chức bộ máy nhà nước (3TC) - Khoa học quản lý (3TC) - Nhập môn nghiên cứu khoa học (3TC) - Chính sách công (3TC)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
9. NGÀNH GIÁO DỤC HỌC, CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC (Mã ngành: 8140101)				
- Giáo dục học - Giáo dục Tiểu học - Sư phạm Tiểu học	- Công nghệ giáo dục - Quản lý giáo dục	- Tâm lý học lứa tuổi tiểu học (3TC) - Lý luận và phương pháp dạy học Toán ở tiểu học (3TC) - Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (3TC)	Các ngành còn lại thuộc cùng lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	- Tâm lý học lứa tuổi tiểu học (3TC) - Lý luận và phương pháp dạy học Toán ở tiểu học (3TC) - Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (3TC) - Cơ sở Tự nhiên - Xã hội và phương pháp dạy học tự nhiên - xã hội ở tiểu học (3TC)
10. NGÀNH GIÁO DỤC HỌC, CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON (Mã ngành: 8140101)				
- Giáo dục học - Giáo dục Mầm non	- Công nghệ giáo dục - Quản lý giáo dục	- Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non (3TC) - Giáo dục học mầm non (3TC) - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non (3TC)	- Giáo dục đặc biệt - Giáo dục tiểu học - Sư phạm Âm nhạc - Sư phạm Mỹ thuật - Sư phạm Nghệ thuật	- Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non (3TC) - Giáo dục học mầm non (3TC) - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non (3TC) - Lý luận và phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh (3TC)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
11. NGÀNH LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN, CHUYÊN NGÀNH LL&PP DH BỘ MÔN NGỮ VĂN (Mã ngành: 8140111)				
Sư phạm Ngữ văn	- Sư phạm Tiếng Khmer - Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam - Ngôn ngữ học - Văn học	- Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn (3TC) - Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2TC) - Phát triển năng lực ngôn ngữ trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2TC) - Phát triển năng lực văn học trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2TC)	- Giáo dục học - Công nghệ giáo dục - Quản lý giáo dục - Giáo dục Mầm non - Giáo dục Tiểu học - Ngôn ngữ Khmer (thí sinh phải có kinh nghiệm từ 02 năm trở lên trong lĩnh vực giảng dạy Ngữ văn)	- Lý luận văn học (3TC) - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn (3TC) - Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2TC) - Phát triển năng lực ngôn ngữ trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2TC) - Phát triển năng lực văn học trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2TC)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
12. NGÀNH LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN, CHUYÊN NGÀNH LL&PP DH BỘ MÔN TIẾNG ANH (Mã ngành: 8140111)				
Sư phạm Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	- Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (2TC) - Phương pháp giảng dạy tiếng Anh nâng cao (2TC) - Nhập môn ngôn ngữ học (4TC)	Thí sinh tốt nghiệp các ngành sau và đáp ứng điều kiện: Văn bằng được Bộ GD&ĐT công nhận theo quy định với ngôn ngữ giảng dạy bằng tiếng Anh hoặc có chứng chỉ quốc tế IELTS còn thời hạn với điểm trung bình 6.5 (không có điểm thành phần dưới 6) hoặc tương đương. Các ngành: - Giáo dục học - Ngôn ngữ học - Văn học	- Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (2TC) - Phương pháp giảng dạy tiếng Anh nâng cao (2TC) - Nhập môn ngôn ngữ học (4TC) - Phương pháp nghiên cứu khoa học (3TC) - Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao (3TC)
13. NGÀNH VĂN HOÁ HỌC (Mã ngành: 8229040)				
Văn hóa học	- Quản lý văn hóa - Triết học - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Tôn giáo học - Lịch sử - Ngôn ngữ học - Văn học - Gia đình học	- Lý thuyết nghiên cứu văn hóa (3TC) - Cơ sở văn hóa Việt Nam (3TC)	- Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam - Hán Nôm - Ngôn ngữ Khmer - Sáng tác văn học - Đông phương học - Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam - Ngôn ngữ Anh - Ngôn ngữ Nga - Ngôn ngữ Pháp - Ngôn ngữ Trung Quốc - Ngôn ngữ Đức - Ngôn ngữ Nhật - Ngôn ngữ Hàn Quốc	- Lý thuyết nghiên cứu văn hóa (3TC) - Văn hoá học đại cương (3TC) - Cơ sở văn hóa Việt Nam (3TC)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
13. NGÀNH VĂN HOÁ HỌC (Mã ngành: 8229040)				
Văn hóa học	- Quản lý văn hóa - Triết học - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Tôn giáo học - Lịch sử - Ngôn ngữ học - Văn học - Gia đình học	- Lý thuyết nghiên cứu văn hóa (3TC) - Cơ sở văn hóa Việt Nam (3TC)	- Âm nhạc học - Sáng tác âm nhạc - Thanh nhạc - Biểu diễn nhạc cụ phương Tây - Biểu diễn nhạc cụ truyền - thống - Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu - Biên kịch sân khấu - Đạo diễn sân khấu - Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình - Biên kịch điện ảnh, truyền hình - Đạo diễn điện ảnh, truyền hình - Lý luận, lịch sử và phê bình múa - Xã hội học - Nhân học - Tâm lý học - Tâm lý học giáo dục - Khu vực học - Quốc tế học - Châu Á học - Thái Bình Dương học - Đông phương học - Trung Quốc học - Nhật Bản học - Hàn Quốc học - Đông Nam Á học - Việt Nam học - Báo chí và truyền thông - Thông tin - Thư viện - Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng - Xuất bản - Phát hành - Nhóm ngành Luật - Nhóm ngành Du lịch	- Lý thuyết nghiên cứu văn hóa (3TC) - Văn hoá học đại cương (3TC) - Cơ sở văn hóa Việt Nam (3TC) - Văn hoá - văn học dân gian Việt Nam (3TC)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
14. NGÀNH THÚ Y (Mã ngành: 8640101)				
Thú y	Chăn nuôi	- Vi sinh thú y (3TC) - Bệnh truyền nhiễm trên gia súc (2TC) - Bệnh truyền nhiễm trên gia cầm (2TC) - Sinh lý động vật (3TC)	- Bệnh học thủy sản - Nuôi trồng thủy sản - Công nghệ sinh học - Nông học	- Vi sinh thú y (3TC) - Bệnh truyền nhiễm trên gia súc (2TC) - Bệnh truyền nhiễm trên gia cầm (2TC) - Sinh lý động vật (3TC) - Dược lý thú y (3TC)
15. NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN (Mã ngành: 8520201)				
- Kỹ thuật điện - Công nghệ Kỹ thuật Điện Điện tử	- Kỹ thuật radar - dẫn đường - Kỹ thuật thủy âm - Kỹ thuật biển - Kỹ thuật điện tử - viễn thông - Kỹ thuật y sinh - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	- Mạng cung cấp điện (2 TC) - Ngăn mạch trong hệ thống điện (3 TC)	- Cơ kỹ thuật - Kỹ thuật cơ khí - Kỹ thuật cơ điện tử - Kỹ thuật nhiệt - Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật công nghiệp - Kỹ thuật hệ thống công nghiệp - Kỹ thuật hàng không - Kỹ thuật không gian - Kỹ thuật tàu thủy - Kỹ thuật ô tô - Kỹ thuật in - Kỹ thuật hàng hải - Vật lý kỹ thuật - Kỹ thuật hạt nhân - Kỹ thuật địa chất - Kỹ thuật địa vật lý - Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Kỹ thuật mỏ - Kỹ thuật thăm dò và khảo sát - Kỹ thuật dầu khí - Kỹ thuật tuyển khoáng	- Mạng cung cấp điện (2 TC) - Ngăn mạch trong hệ thống điện (3 TC) - Giải tích máy điện (3 TC) - Điện tử công suất (3 TC)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
16. NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (Mã ngành: 8480201)				
Công nghệ thông tin	An toàn thông tin	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (3 TC)	-Khoa học máy tính -Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu -Kỹ thuật phần mềm -Hệ thống thông tin -Kỹ thuật máy tính -Trí tuệ nhân tạo - Công nghệ Kỹ thuật máy tính	- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (3 TC) - An toàn và bảo mật thông tin (3 TC)
			- Toán học - Khoa học tính toán - Khoa học dữ liệu - Toán ứng dụng - Toán cơ - Toán tin - Thống kê - Công nghệ kỹ thuật điện tử, điện tử - Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật ra đa - dẫn đường - Kỹ thuật điện tử - viễn thông - Kỹ thuật y sinh - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Sư phạm Toán học - Sư phạm Tin học	- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (3 TC) - An toàn và bảo mật thông tin (3 TC) - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (2 TC) - Cơ sở dữ liệu (2 TC) - Kỹ thuật lập trình (2 TC)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
17. NGÀNH QUẢN LÝ Y TẾ (Mã ngành: 8720801)				
Tổ chức và quản lý y tế	Quản lý bệnh viện	- Thiết kế đánh giá chương trình y tế (2TC) - Tin học ứng dụng trong y học (3 TC)	- Y học dự phòng - Y tế công cộng	- Quản lý chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình (2TC) - Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe (2TC)
			- Y khoa - Y học cổ truyền - Dược học - Điều dưỡng - Hộ sinh - Kỹ thuật xét nghiệm y học - Kỹ thuật hình ảnh y học - Kỹ thuật phục hồi chức năng - Dinh dưỡng - Răng - Hàm - Mặt - Y sinh học thể dục thể thao	- Quản lý chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình (2TC) - Lập kế hoạch chương trình Nâng cao sức khỏe (2TC) - Tin học ứng dụng trong y học (3TC)
			Các ngành đại học còn lại và có thời gian công tác tại cơ sở y tế ít nhất 5 năm	- Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu (2TC) - Thiết kế đánh giá chương trình y tế (2TC) - Dịch tễ học cơ bản (2TC) - Sức khỏe môi trường (2 TC) - Sức khỏe nghề nghiệp (2 TC) - Quản lý tài chính - Kinh tế y tế (2 TC) - Quản lý dịch vụ y tế (2TC) - Quản lý chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình (2TC) - Lập kế hoạch chương trình Nâng cao sức khỏe (2TC) - Tin học ứng dụng trong y học (3TC)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
18. NGÀNH Y TẾ CÔNG CỘNG (Mã ngành: 8720701)				
Y tế công cộng	- Y học dự phòng - Tổ chức và Quản lý y tế - Quản lý bệnh viện	- Dịch tễ học (2TC) - Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp cơ bản(2TC) - Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe (2TC)	- Y khoa - Y học cổ truyền - Dược học - Hóa dược - Điều dưỡng - Hộ sinh - Dinh dưỡng - Răng - Hàm - Mặt - Kỹ thuật phục hình răng - Kỹ thuật xét nghiệm y học - Kỹ thuật hình ảnh y học - Kỹ thuật Phục hồi chức năng - Y sinh học thể dục thể thao - Các ngành thuộc nhóm ngành Kỹ thuật y học	- Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe (2TC) - Dịch tễ học (2TC) - Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp cơ bản (2TC) - Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm (2TC) - Tin học ứng dụng trong y học (2T)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
19. NGÀNH KỸ THUẬT HÓA HỌC (Mã ngành: 8520301)				
- Kỹ thuật hóa học - Công nghệ kỹ thuật hóa học	- Kỹ thuật vật liệu - Kỹ thuật vật liệu kim loại - Kỹ thuật dệt - Kỹ thuật môi trường - Sư phạm hóa học - Khoa học vật liệu - Công nghệ vật liệu - Công nghệ kỹ thuật môi trường - Công nghệ kỹ thuật in - Hóa học	- Hóa hữu cơ (2TC) - Hóa phân tích (2TC)	- Bảo vệ thực vật - Kỹ thuật xét nghiệm y học - Kỹ thuật hình sự - Công nghệ thực phẩm - Kỹ thuật y sinh - Vật lý kỹ thuật - Kỹ thuật hạt nhân - Sư phạm khoa học tự nhiên - Kỹ thuật điện tử và viễn thông - Khoa học môi trường - Công nghệ sinh học - Công nghệ kỹ thuật hạt nhân - Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	- Hóa hữu cơ (2TC) - Hóa phân tích (2TC) - Hóa lý (2TC)

Ngành đại học phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Ngành đại học phù hợp (nhóm 1: học bổ sung kiến thức)		Ngành đại học phù hợp (nhóm 2: học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
20. NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG (Mã ngành: 8580205)				
- Công nghệ kỹ thuật giao thông - Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông - Xây dựng cầu-đường	- Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng - Công nghệ kỹ thuật xây dựng - Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng - Kinh tế xây dựng - Quản lý xây dựng - Công trình ngầm đô thị - Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ - Kỹ thuật xây dựng công trình thủy - Địa chất công trình - Địa chất thủy văn - Kỹ thuật xây dựng công trình biển - Kỹ thuật cấp thoát nước - Kỹ thuật tài nguyên nước - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng - Địa kỹ thuật xây dựng - Kỹ thuật xây dựng	- Thiết kế và thi công đường ô tô (3TC) - Thiết kế và thi công cầu (3TC)	- Kiến trúc - Kiến trúc cảnh quan - Kiến trúc nội thất - Quy hoạch vùng và đô thị - Quản lý đô thị và công trình - Thiết kế nội thất - Bảo tồn di sản kiến trúc-đô thị - Đô thị học - Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	- Thiết kế và thi công đường ô tô (3TC) - Thiết kế và thi công cầu (3TC) - Cơ học đất và Nền móng (3TC) - Kết cấu bê tông cốt thép (3TC)